FireAnt

CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (HSX: TEG)

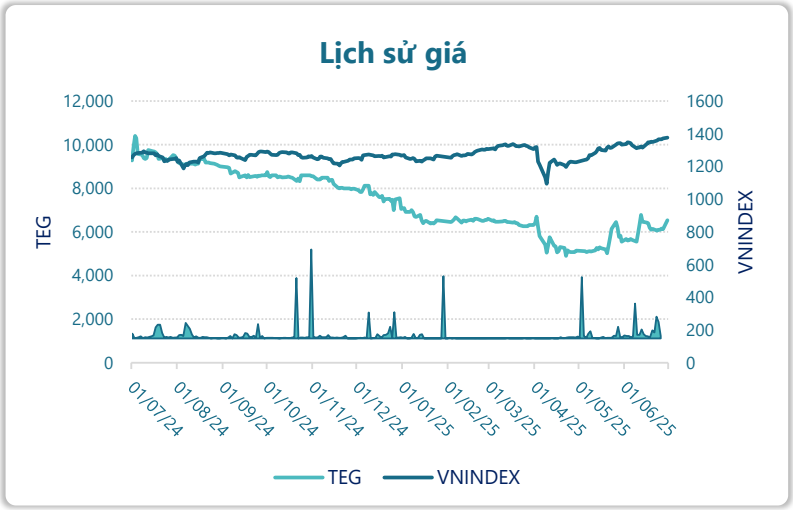

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,540**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	281,680
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	790
P/E	87.5
EPS	75

DT thuần

Q2/25

14.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.70| 46.9%

YoY: ▼152| -91.1%

LN sau thuế

Q2/25

1.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50| -59.7%

YoY: ▲ 1.67| 16742%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

26.6%

+/- YoY: ▲ 25.2%

DT thuần

6T 2025

24.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼151| -85.9%

LN sau thuế

6T 2025

5.87

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.09| 111%

ROE

Q2/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 0.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

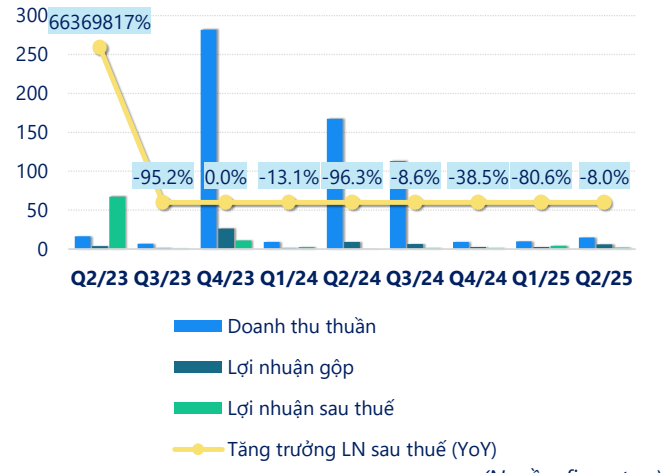

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

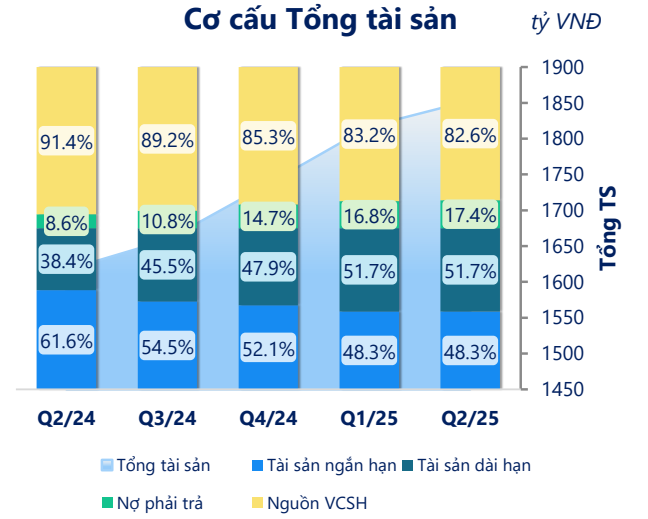

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

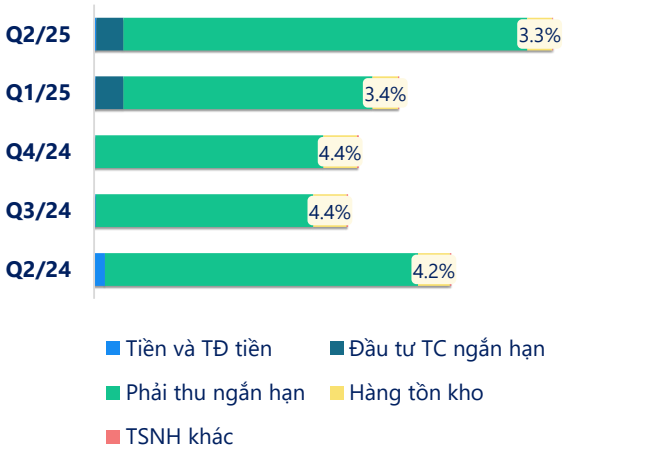

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

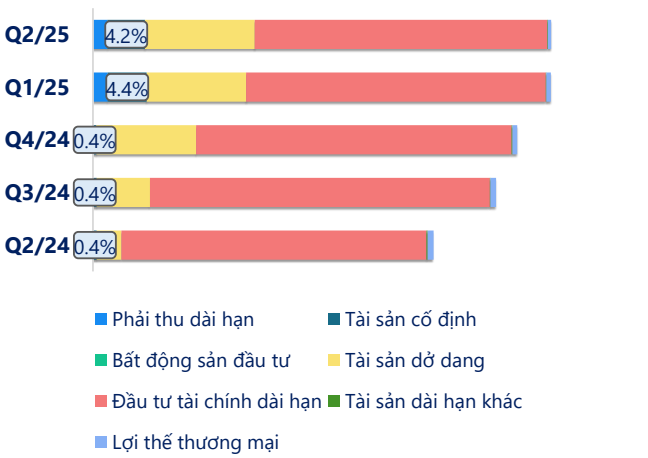

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

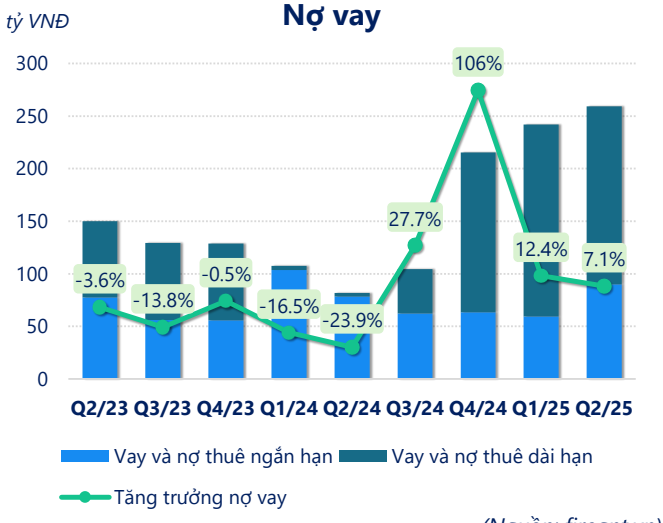

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

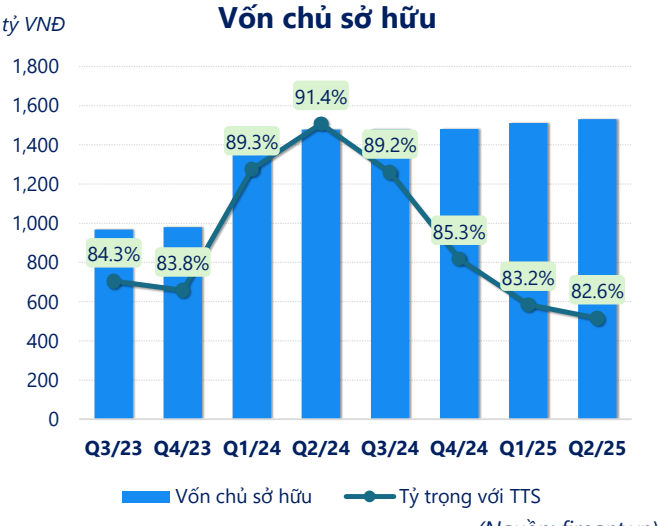

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

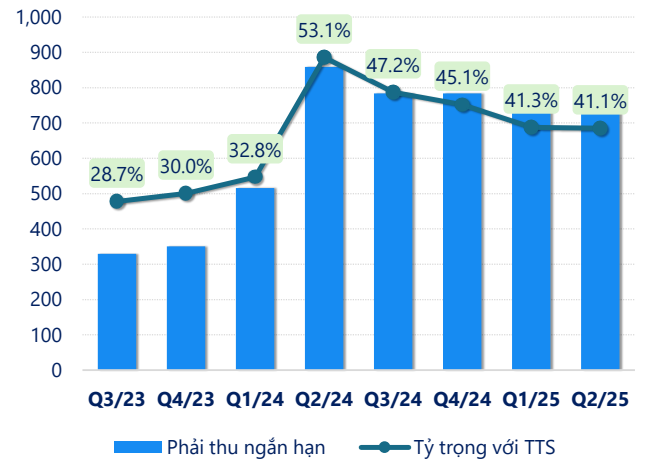

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

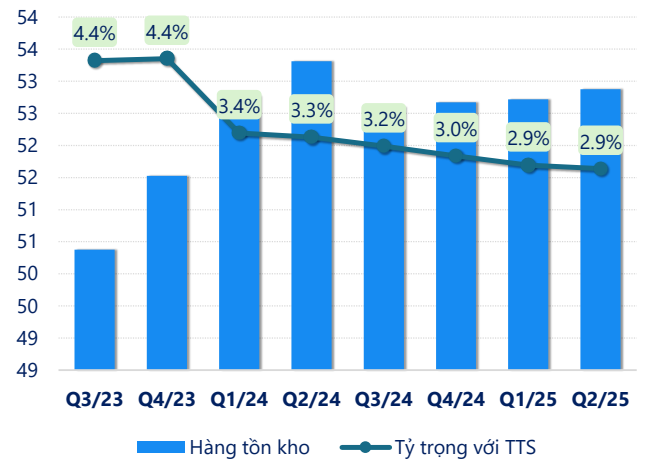

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

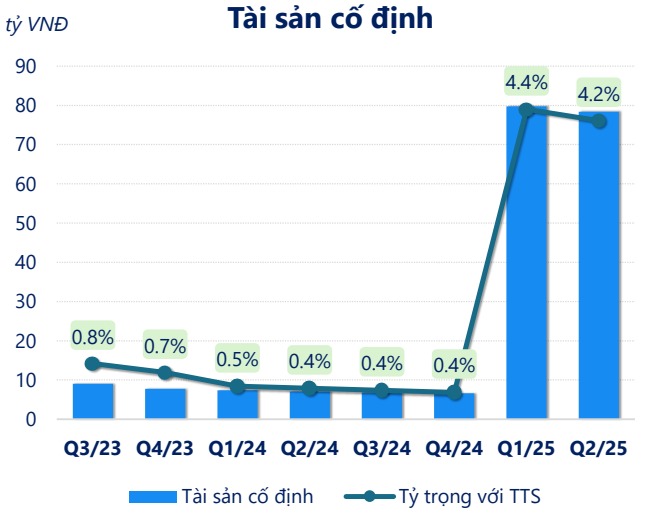

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

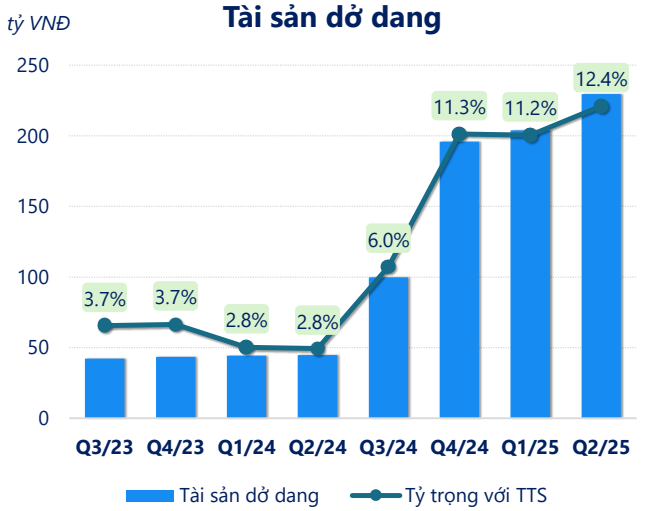

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

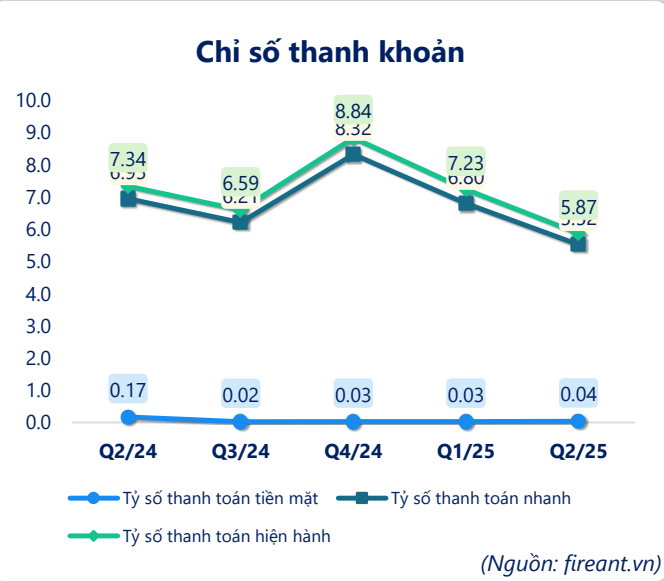

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

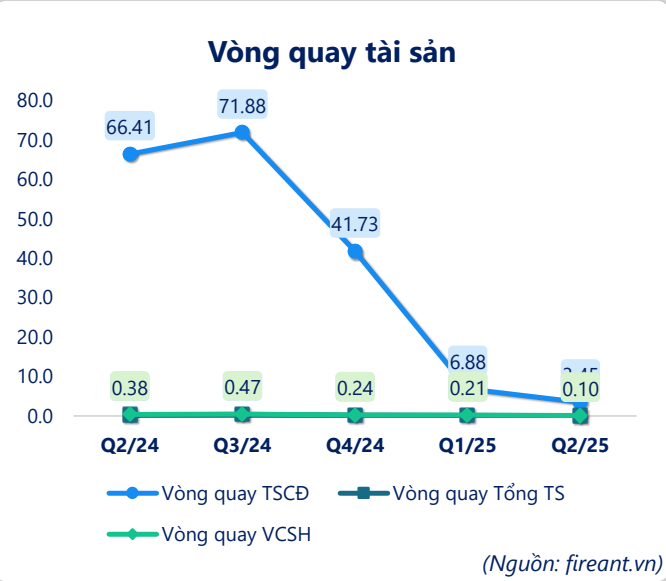

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,617**	**1,659**	**1,737**	**1,817**	**1,853**
Tài sản ngắn hạn	**995**	**904**	**905**	**879**	**895**
Tiền và tương đương tiền	23.3	3.23	2.94	3.56	5.69
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.7	62.7	62.7	64.1	64.8
Phải thu ngắn hạn	859	784	784	750	762
Hàng tồn kho	53.3	52.6	52.7	52.7	52.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.81	2.19	3.19	8.53	9.99
Tài sản dài hạn	**622**	**755**	**832**	**939**	**958**
Phải thu dài hạn	0.00	0	0.00	30.4	30.4
Tài sản cố định	7.08	6.83	6.60	79.8	78.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	44.7	99.8	196	204	229
Đầu tư tài chính dài hạn	557	636	618	614	612
Tài sản dài hạn khác	1.81	1.57	1.50	1.40	1.31
Lợi thế thương mại	11.3	10.4	9.61	8.78	6.55
Nợ phải trả	**139**	**179**	**256**	**305**	**323**
Nợ ngắn hạn	**136**	**137**	**102**	**121**	**153**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.4	62.3	63.4	59.3	89.9
Phải trả người bán ngắn hạn	10.3	32.6	8.02	30.1	29.7
Nợ dài hạn	3.38	42.1	153	184	170
Vay và nợ thuê dài hạn	3.38	42.1	152	183	169
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,478**	**1,480**	**1,481**	**1,512**	**1,530**
Vốn chủ sở hữu	**1,478**	**1,480**	**1,481**	**1,512**	**1,530**
Vốn điều lệ	1,208	1,208	1,208	1,208	1,208
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)